

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP



SAVL11.269

UBND TĐT
HKHLSĐT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ ĐỒNG THÁP
Phường 1, Thị xã Cao Lãnh

ĐỒNG THÁP NHÂN VẬT CHÍ

Tập I
(A – G)

Nguyễn Đắc Hiền

Tháng 9- 2005

UBND TĐT

890

SAVL11.269

959.788.082
Đ455T

UBND TĐT
HKHLSĐT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ ĐỒNG THÁP
Phường 1, Thị xã Cao Lãnh

ĐỒNG THÁP NHÂN VẬT CHÍ

Tập I
(A – G)

Nguyễn Đắc Hiền

Tháng 9- 2005

UBND TĐT

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP
PHÒNG TRA CỨU
SAYL 11.269

ĐỒNG THÁP NHÂN VẬT CHÍ

Tập 1

từ A đến G

Nhóm thực hiện:

Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Đắc Hiền

Tổ chức bản thảo: Nguyễn Hữu Hiếu

Sưu tầm & biên soạn:

Nguyễn Đắc Hiền

Nguyễn Hữu Hiếu

Ngô Xuân Tư

Lê Đức Hoà

Lê Kim Hoàng

Ngô Văn Bé

Phạm Trọng Tuy

MỤC LỤC

<i>TT</i>	<i>NỘI DUNG</i>	<i>TRANG</i>
	PHẦN THỨ NHẤT	
	Đôi nét về Đất Nước và con người Đồng Tháp	2
	PHẦN THỨ HAI	
	Tiểu sử 263 nhân vật	8
1.	Hồ Thị An	8
2.	Nguyễn Văn An	9
3.	Đỗ Thị Ân	10
4.	Nhiều Bá	12
5.	Quản Bạch - Kim Chung	13
6.	Nguyễn Văn Bảnh	14
7.	Hoàng Phúc Bảo	15
8.	Nguyễn Vĩnh Bảo	16
9.	Nguyễn Thị Bảy	18
10.	Nguyễn Văn Bảy	19
11.	Phạm Văn Bảy	20
12.	Phan Văn Bảy	22
13.	Trần Văn Bảy	24
14.	Vân Tấn Bảy	26
15.	Lưu Quang Bật	28
16.	Nguyễn Thị Bầy	29
17.	Đinh Công Bê	31
18.	Nguyễn Văn Bê	33
19.	Nguyễn Thị Biêt	34
20.	Nguyễn Thị Biêt	36
21.	Nguyễn Văn Biều	37
22.	Đặng Văn Bình	39
23.	Phan Văn Bộ	40
24.	Nguyễn Văn Bồng	41
25.	Nguyễn Văn Bút - Võ Đình Sâm	43
26.	Nguyễn Văn Cái	44
27.	Bùi Thị Cẩm	45
28.	Hồng Thị Cẩm	47
29.	Lê Thị Cẩn	48
30.	Nguyễn Xuân Côn	50
31.	Lê Văn Chắc	51

32. Lê Minh Châu	52
33. Nguyễn Thanh Châu	53
34. Nguyễn Văn Châu	54
35. Nguyễn Việt Châu	56
36. Ngô Văn Chính	58
37. Sáu Chơi	59
38. Trần Thị Chơi	61
39. Nguyễn Kim Chung	62
40. Cao Hoài Cúi	64
41. Nguyễn Văn Cung	66
42. Đoàn Văn Cương	68
43. Lê Văn Cử	70
44. Phan Văn Cử	72
45. Võ Văn Đánh	73
46. Nguyễn Thị Dành	75
47. Nguyễn Văn Dân	76
48. Đặng Văn Dây	77
49. Nguyễn Quang Diêu	78
50. Nguyễn Thị Dung	80
51. Phạm Hoàng Dũng	81
52. Nguyễn Văn Dũng	82
53. Bùi Văn Dự	84
54. Phan Văn Dực	86
55. Nguyễn Duy Dương	87
56. Võ Duy Dương	88
57. Lê Văn Đáng	90
58. Phạm Thị Đâm	91
59. Cao Văn Đạt	92
60. Nguyễn Thị Đề	93
61. Trần Quang Đề	94
62. Đỗ Thị Đề	95
63. Trần Anh Điền	96
64. Hồ Trọng Đình	98
65. Nguyễn Văn Định	100
66. Huỳnh Minh Đoàn	101
67. Nguyễn Thị Đoàn	102
68. Nguyễn Văn Đùng	104
69. Trần Phước Dường	105
70. Nguyễn Thành Giung	106
71. Phan Thị Gương	107

Tài liệu tham khảo

LỜI NÓI ĐẦU

Trong mấy trăm năm qua, Đồng Tháp cũng như các vùng đất khác ở Nam Bộ đã trải qua nhiều thời kỳ lịch sử: từ khai hoang mở đất xây dựng cuộc sống đến bao cuộc chiến đấu chống cường hào phong kiến, chống quân can thiệp Xiêm La, bảo vệ thành quả lao động vừa đạt được; kế tiếp là chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, thực hiện lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong suốt diễn trình đó, đất Đồng Tháp đã sản sinh ra biết bao nhiêu người con càn cù lao động, tích cực chiến đấu, xây dựng, bảo vệ quê hương, Tổ quốc trên mọi lĩnh vực (chính trị, quân sự, kinh tế, khoa học, văn học nghệ thuật, văn hóa xã hội...); bên cạnh đó có không ít nhân vật sanh trưởng ở địa phương khác, song có công sức góp phần vào công cuộc xây dựng, chiến đấu, bảo vệ đất Đồng Tháp.

Đồng Tháp nhân vật chí cố gắng sưu tầm, tìm hiểu, ghi chép, giới thiệu một số nhân vật với quảng đại quần chúng hôm nay và mai sau, qua đó rút ra bài học về các tấm gương xã thân hy sinh vì nước, vượt qua mọi khó khăn gian khổ chiến đấu vì sự nghiệp độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, miệt mài học tập, lao động sáng tạo, tạo nên các giá trị mới trong các lĩnh vực khoa học, văn hóa, nghệ thuật ...góp phần bảo vệ, xây dựng đất nước.

Những khuôn mặt phản diện phản ánh mặt trái xã hội qua các thời kỳ lịch sử, góp phần tô vẽ thêm bối cảnh phức tạp xã hội, làm nên bức tranh chung, để các nhân vật chính diện nổi lên như các vì sao sáng... cũng được Đồng Tháp nhân vật chí đề cập đến.

Để đáp ứng yêu cầu trên, Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp đăng ký đề tài này với Sở Khoa học Công Nghệ. Đề tài được tiến hành nghiên cứu dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy mà trực tiếp là Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Chúng tôi sưu tầm, biên soạn và tuyển chọn trên 250 nhân vật qua các thời kỳ lịch sử. Mặc dù hết sức cố gắng, nhưng do khả năng có hạn, tư liệu chưa đầy đủ... nên có một số nhân vật được trình bày quá sơ lược và cũng có thể còn sót một số nhân vật tiêu biểu khác nữa mà chúng tôi chưa có điều kiện tiếp cận tư liệu để biên soạn đưa vào sách.

Cuốn sách được chia làm hai phần:

Phần thứ nhất: Những lý luận chung mang ý nghĩa phương pháp luận.

Phần thứ hai: Một số nhân vật tiêu biểu được giới thiệu theo thứ tự A, B, C.

Rất mong được sự góp ý của bạn đọc về nhiều mặt trong cuốn sách này, để trong lần tái bản được hoàn chỉnh hơn.

Xin chân thành biết ơn.

Nhóm biên soạn

PHẦN THỨ NHỨT

Đôi nét về Đất Nước và Con Người trong tỉnh Đồng Tháp

Lịch sử một vùng đất, nói cho cùng là mối quan hệ, là sự tác động qua lại giữa đất và người. Đất lành chim đậu. Đất tốt hấp dẫn người, người làm cho đất thanh mậu hơn, linh hơn; mà địa linh ắt sanh nhơn kiệt, nhơn kiệt làm rạng rỡ địa linh...

Tỉnh Sa Đéc nay là Đồng Tháp đầu giáp biên giới Campuchia, nơi bắt đầu con sông Tiền chảy vào đồng bằng sông Cửu Long; phần đất phía nam nằm giữa sông Tiền và sông Hậu (tạm gọi là vùng Sa Đéc), còn phần đất phía bắc sông phần lớn thuộc Đồng Tháp Mười (tạm gọi là vùng Cao Lãnh).

Ngay từ thời khai hoang mở đất cho đến mãi về sau, vùng đất Sa Đéc - Cao Lãnh thường vinh dự đón tiếp nhiều bậc hào kiệt, anh tài; và qua các vị này mà luôn được tiếp nhận, bồi dưỡng bằng những nguồn sinh khí mới, kích thích mọi hoạt động, tạo ra cho nó nét đặc biệt trong sanh hoạt văn hóa xã hội.

Ngay trong buổi đầu khai hoang, vùng đất này là nơi ẩn cư của hòa thượng Tánh Nhân - Thiện Châu, một đồ đệ của hòa thượng Hương Hải, một trong số ít nhà sư của phái Trúc Lâm Yên Tử phục hưng, mà ngày nay chùa Bửu Lâm (chùa Tổ Cái Bèo ở xã Bình Hàng Trung) ven Đồng Tháp Mười (ĐTM) là chứng tích.

Vào giữa thế kỷ thứ XVIII, trong khi vùng ven ĐTM hình thành khó trường Bả Canh, một trong chín khó trường lúc bấy giờ ở Nam Kỳ, thì ở phía nam sông Tiền, chợ Sa Đéc được sách Gia Định thành công chí của Trịnh Hoài Đức mô tả như sau: “Chợ ở phía đông chợ Vĩnh An. Phố chợ dọc theo bờ sông nhà cửa hai bên liên tiếp năm dặm, dưới sông có những bè tre, gác, phòng ốc, đậu sát nhau, hoặc buôn bán hàng lụa khí dụng ở nam bắc chở đến, hoặc bán dầu rái, than, tre...trên bờ, dưới sông trăm thứ hàng hóa tốt đẹp, thật là thắng địa phồn hoa vậy”. Phải chăng chính cái chợ nổi này mà người Khmer quanh vùng gọi là Phsar-ădek (nghĩa là chợ nổi) thành tên Sa Đéc ngày nay ?

Nguyễn Ánh chạy dài hầu như kiệt sức trước cuộc truy nã của Tây Sơn, phải mấy lần nương náu ở Xiêm, thế mà lợi dụng lúc vua Quang Trung bận đương đầu với cuộc xâm lược quân Thanh ở Bắc Hà, chỉ một năm (1788-1789) về đóng căn cứ ở Long Hưng (Sa Đéc), Nguyễn Ánh đã đánh bật được lực lượng Tây Sơn do Nguyễn Lữ chỉ huy ra khỏi Gia Định, làm tiền đề cho việc tóm thu cả nước!

Dưới triều đại Gia Long, Gia Định thành trải qua thời tổng trấn, thì trong đó có hai tổng trấn là người gốc Sa Đéc là Kinh môn Quận công Nguyễn Văn Nhơn và Tuyên trung hầu Nguyễn Văn Tuyên.

Đạo Bửu Sơn kỳ hương do Đoàn Minh Huyền người Sa Đéc khai sáng vào năm 1849 mà ngày nay giáo lý của nó còn bản bạc trong cuộc sống thường nhật của cư dân đồng bằng sông Cửu Long.

Khi thực dân Pháp chiếm Nam kỳ, trên đất này hình thành hai trung tâm kháng chiến lớn, một là căn cứ Tân Hòa (Gò Đông) do Trương Định chỉ huy, hai là căn cứ Tháp Mười do Thiên hộ Võ Duy Dương lãnh đạo.

Vào thế kỷ XX, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam chuyển hướng sang phong trào Đông du và Duy Tân. Trong phong trào này, vùng Sa Đéc - Cao Lãnh hân hạnh đón tiếp nhiều nhà chính trị nổi tiếng lúc bấy giờ, như Phan Bội Châu, Gilbert Trần Chánh Chiêu, Đặng Thúc Liêng... cả Cường Để, Tôn Văn (cha đẻ chủ nghĩa Tam Dân của Trung Quốc) cũng từng đặt chân lên đất Sa Đéc - Cao Lãnh. Chính các vị này là chất men kích thích làm cho phong trào cách mạng ở địa phương trở nên rầm rộ hơn nơi khác.

Cuối những năm 20 của thế kỷ trước, cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), bốn ba nhiều nơi trên đất Nam kỳ, lại về cư ngụ vùng này trong những năm cuối đời. Được hỏi nguyên do, cụ trả lời đơn giản là “ở đây là vùng đất có khí thế”.

Điều mà cụ phó bảng gọi “có khí thế”, chắc không ngoài ý nghĩa nơi đây đã sản sinh và đón nhận những người con từng làm rạng danh cho vùng đất có tên Sa Đéc - Cao Lãnh, nay là Đồng Tháp.

Nói về nhân vật Đồng Tháp, từ trước đến nay, đã có nhiều bài viết, sách báo đề cập đến.

Trước hết phải nói đến các sách được biên soạn dưới triều đại phong kiến nhà Nguyễn như Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức, Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện, Đại Nam nhứt thống chí (phần Lục tỉnh Nam Việt) của Quốc Sử Quán... Tuy đây không phải là sách chuyên viết về nhân vật (nhân vật chí), nhưng trong những tác phẩm này cũng có ghi chép khái lược về một số nhân vật Đồng Tháp có công trong công cuộc chiến đấu bảo vệ các chúa và vua nhà Nguyễn, có công trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới, có công trong cuộc khai hoang mở đất, chống bệnh tật, giúp đỡ, ủng hộ trong công tác từ thiện... như: Nguyễn Văn Mậu, Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Văn Tuyên, Nguyễn Văn Bé, Nguyễn Văn Định, Nguyễn Văn Trọng, Nguyễn Văn Yên, Nguyễn Thị Dung, Trần Văn Năng, Võ Đình Sâm (Thông Chế Bút), Nguyễn Văn Nhàn, Tống Phước Hòa, Hoàng Thúc Bảo, Nguyễn Duy Dương, Nhân Sĩ Hầu... Vì vậy, phần lớn tiểu sử và công lao của các nhân vật được nêu một cách sơ lược,

thường thiếu năm sanh, năm mất, quê quán không được ghi chép cụ thể, thường chỉ ghi phủ hoặc tỉnh mà thôi. Dĩ nhiên, tác giả của những tác phẩm này dựa vào tư tưởng trung quân của Nho giáo, quan điểm chính trị của nhà Nguyễn để nhận xét, đánh giá nhân vật. Do quan điểm này hoặc do thiếu thông tin, nên có một số nhân vật trong thời này, đặc biệt là các nhân vật trong phong trào Tây Sơn không được nói đến.

Năm 1926, Nguyễn Văn Dân cho ra mắt quyển sách *Sa Đéc nhân vật chí*. Như lời tựa, quyển sách có hai phần: phần một mục địa chất và những nơi danh thắng trong tỉnh; phần hai (mục chánh sử) có hai chương. Chương thứ nhứt nói về giai đoạn Nguyễn Ánh về Long Hưng lập căn cứ chống lại quân Tây Sơn, có đề cập đến hai nhân vật Tống Phước Hòa và Nguyễn Văn Nhơn. Chương hai (mục Tân nhân vật) đề cập một số nhân vật dưới thời Pháp thuộc. Đại bộ phận các nhân vật trong chương này đều là những người cộng tác và có công với thực dân Pháp trong việc đàn áp và thống trị nhân dân trong tỉnh; ngoài ra có một số ít nhân vật hoạt động trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, giáo dục, pháp luật... Các nhân vật lãnh đạo nhân dân chống lại ách thống trị của thực dân Pháp không được nêu trong sách, điều này thể hiện quan điểm giai cấp của tác giả.

Dưới thời Ngô Đình Diệm, cuối năm 1962 nhà giáo Trần Quang Hạo biên soạn cuốn *Cao Lãnh... đến 1954*. Đây có thể coi là một cuốn sách địa chí; song chỉ viết về vùng đất Cao Lãnh (tức khu vực phía bắc sông Tiền của tỉnh). Sách dày 190 trang gồm 12 chương và chương kết. Sách dành ba chương viết về nhân vật, trong đó:

Chương IX “Tinh thần Cao Lãnh”: Nêu lên tinh thần và hoạt động yêu nước của nhân dân vùng Cao Lãnh cụ thể là trong phong trào Đông du và Duy Tân vào đầu thế kỷ XX và liệt kê ra một danh sách mới với 12 nhân vật tham gia các phong trào này.

Chương X “Sơ lược thân thế sự nghiệp các nhà cách mạng”. Viết tiểu sử tóm lược của các nhân vật: Lưu Quang Bật, Phạm Nhơn Thuần, Lê Văn Đáng, Lê Văn Sao, Nguyễn Văn Khỏe, Đỗ Văn Y, Nguyễn Tồn Nhơn, Nguyễn Quang Diêu, Đinh Hữu Thuật (Đinh Quang Tích).

Chương XI “Nhơn vật”: Theo tác giả chương này ghi chép những nhân vật có công về các mặt văn hóa, xã hội, tinh thần, đạo đức hay chí quật cường. Song vì thiếu tài liệu tác giả chỉ ghi chép được một số nhân vật: Thống Linh (Nguyễn Văn Linh), Trương Tấn Minh (Lãnh Bình Miên), Hồ Trọng Đính, Nguyễn Chí Tường, Lê Quảng Tâm, Lê Quang Hiên, Đỗ Thị Đề, Nguyễn Thị Phước, Phan Văn Cử, Diệp Văn Kỳ. Dĩ nhiên, việc chọn lựa nhân vật và nội dung thể hiện quan điểm của tác giả; nhưng cũng không loại trừ trường hợp lẫn tránh việc kiểm duyệt sách báo nghiêm ngặt lúc bấy giờ nên có một số nhân vật khác không đưa vào, để sách được xuất bản...

Nhà sưu khảo Huỳnh Minh, xuất bản quyển *Sa Đéc xưa và nay* vào năm 1970; sách gồm ba phần và dành trọn phần thứ hai viết về nhân vật với tiêu tựa *Danh nhân lịch sử và nhân vật cận đại*. Trong phần danh nhân lịch sử, tác giả đề cập đến 10 nhân vật, trong đó có 8 nhân vật gắn với Nguyễn Ánh và hai nhân vật hoạt động văn hóa xã hội dưới triều Nguyễn. Trong phần nhân vật cận đại, tác giả đề cập đến 25 nhân vật, gồm các nhân vật tham gia các phong trào chống Pháp từ Cần Vương đến Đông du, Duy Tân, Đông kinh nghĩa thực ... và kể cả một số nhân vật cộng tác với chế độ thực dân Pháp và chế độ Sài Gòn sau này, song có nhiều công lao trong hoạt động khoa học, văn hóa, xã hội, nghệ thuật...

Vào năm 1974, tòa hành chính tỉnh Kiến Phong của chế độ Sài Gòn có ấn hành quyển Kiến Phong địa phương chí, trong đó có đề cập đến một số nhân vật như: Đỗ Công Tường, Trần Ngọc Thượng, tướng quận công (Độc Binh Vàng), Võ Duy Dương, Nguyễn Tấn Kiều, Nguyễn Văn Linh (Thống Linh), Trương Tấn Minh, Lưu Quang Bật, Phạm Nhơn Thuận, Đỗ Văn Y, Nguyễn Quang Diêu, Lê Quang Hiến...

Từ ngày đất nước hoàn toàn giải phóng (1975) đến nay, có một số bài viết về nhân vật. Đồng Tháp xuất hiện rải rác trên báo chí, phát thanh, truyền hình địa phương, trung ương.

Để có sự tập trung tương đối đầy đủ các thể hệ nhân vật lịch sử hoạt động trên các vùng đất mà nay là tỉnh Đồng Tháp, nhằm ghi lại công lao của những người khai phá, chiến đấu bảo vệ, hoặc làm cho mảnh đất này thêm giàu đẹp, vang danh...; từ đó toát lên những tấm gương, những bài học kinh nghiệm bổ ích cho cuộc sống thế hệ hôm nay và mai sau, nhóm biên soạn kế thừa công việc người đi trước, đồng thời tiếp tục sưu tầm bổ sung để tiến thêm một bước nữa trong quá trình hoàn chỉnh tiêu sử của từng nhân vật và nâng số lượng nhân vật lên nhiều hơn.

Nhằm đáp ứng yêu cầu trên, *Đồng Tháp Nhân Vật Chí* tuyển chọn ghi chép trên 250 nhân vật lịch sử tiêu biểu có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến các mặt xã hội qua các thời kỳ lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ngày nay, từ khởi thủy đến năm năm đầu thế kỷ XXI; nội dung bao quát ở *cấp độ nhân vật lịch sử* chứ chưa phải là danh nhân, như tên đã mang: *Đồng Tháp nhân vật chí*.

Xưa nay, khoa học lịch sử thường căn cứ vào ba tiêu chí: học hàm, học vị; chức vụ hoặc tước hàm và công lao hoặc đức hạnh (phần tác động đến xã hội đương thời và hiện nay) của nhân vật đó mà đánh giá. Để có tính thống nhất, công bằng và khoa học trong việc bình chọn các nhân vật ghi chép trong tập sách này, ban chủ biên đề nghị một số tiêu chí trong từng tuyển nhân vật; và đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến chỉ đạo mang tính phương pháp luận như sau:

- Đối với các nhân vật thời trung - cận đại: Chọn nhân vật là các công thần dưới thời các chúa và vua nhà Nguyễn, có công trong lĩnh vực khai hoang lập làng, phát triển văn hóa - xã hội, chiến đấu bảo vệ biên giới Tây nam của Tổ quốc, chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược trong thời kỳ đầu... Riêng đối với các nhân vật vừa có công trong việc khai hoang, phát triển kinh tế xã hội, chiến đấu bảo vệ biên giới, lại vừa giúp Nguyễn Ánh chống Tây Sơn, chọn vị nào có nhiều công lao tác động tích cực đến xã hội đương thời và hiện tại.

- Đối với các nhân vật thời hiện đại:

Chia ra theo từng lĩnh vực hoạt động:

+ Trong các phong trào yêu nước: Đông du, Duy Tân... chọn tất cả các vị có thời gian hoạt động lâu dài và nổi bật.

+ Trong lĩnh vực chính trị: chọn các vị có chức vụ Bí thư Tỉnh ủy, một số chủ tịch UBND tỉnh, nếu công tác ở trung ương thì từ phó các ban đảng, thứ trưởng và tương đương trở lên. Đối với các vị có sai phạm kỷ luật, Ban Thường vụ cho ý kiến cụ thể từng nhân vật. Đối với tuyên phản diện, chọn các nhân vật từng giữ chức vụ tỉnh trưởng, bộ trưởng trở lên, nghị sĩ, dân biểu... có hành động phản động, ác ôn khét tiếng... có tác động tiêu cực đến sự phát triển xã hội, hoặc có hành động tham gia, giúp đỡ cách mạng nổi bật.

+ Trong lĩnh vực quân sự, công an: chọn thiếu tướng trở lên và một số vị có chức vụ từ tỉnh đội trưởng, chính ủy (chính trị viên tỉnh đội).

+ Anh hùng lực lượng vũ trang và anh hùng lao động đã qua đời hay đang sống lấy hết. Riêng đối với một vài vị còn sinh tiền có biểu hiện sai trái về phong cách lối sống thì xin ý kiến cụ thể.

+ Những Bà Mẹ Việt Nam anh hùng: chọn bản thân các mẹ là liệt sĩ, thương binh, đảng viên, có tham gia cách mạng, được khen thưởng từ huân chương hoặc là người yêu nước có đức hạnh, có chồng, nhiều con hy sinh cho cách mạng.

+ Trong lĩnh vực văn hóa - giáo dục: chọn người có nhiều công trong lĩnh vực văn hóa xã hội, giáo dục, y học ... có hoặc không có học vị cao, nhưng có công lao nổi bật, thường được nhân dân nhắc đến.

+ Trong lĩnh vực văn học nghệ thuật: chọn các vị có tác phẩm, thành tích tiêu biểu, nổi bật được Nhà nước phong tặng danh hiệu nghệ sĩ nhân dân.

+ Trong lĩnh vực báo chí: chọn các vị có thành tích nổi bật, tích cực góp phần vào lịch sử phát triển nền báo chí địa phương và cả nước (kể cả báo chí công khai).

+ Trong lĩnh vực kinh tế, thủ công - mỹ nghệ, thể thao: chọn các nhân vật có những công lao, đóng góp nổi bật trong lĩnh vực, mang lại danh thơm cho Đồng Tháp.

Tiêu chí chung về quê quán: chọn các vị sanh trưởng tại Đồng Tháp hoặc nơi khác có hoạt động trên địa bàn Đồng Tháp, hoặc sanh trưởng ở Đồng Tháp nhưng hoạt động ở nơi khác.

*

* *

Trong biên soạn, cách thể hiện thống nhất chi tiết:

Năm sanh, năm mất: ghi đầy đủ các nhân vật, nếu đánh dấu hỏi là chúng tôi chưa tìm ra và không ghi là nhân vật ấy còn sống.

Quê quán: ghi theo tên gọi (thôn, làng, xã, quận, huyện, phủ, trấn, tỉnh...) lúc nhân vật ấy được sanh ra.

Tên nhân vật: ghi cả tên họ, kèm theo từ ông, bà.

PHẦN THỨ HAI

TIỂU SỬ 262 NHÂN VẬT

HỒ THỊ AN **(1905 - 1967)**

Bà Hồ Thị An sinh năm 1905, quê xã Hòa Tân, trú quán xã Phú Hựu, nay thuộc thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bà có chồng và hai con trai, một con rể là liệt sĩ. Chồng bà ông Nguyễn Văn Lại cán bộ Mặt trận xã, hy sinh tháng 1-1968. Con trai lớn là Nguyễn Văn Thường, Trưởng ban An ninh xã hy sinh tháng 4-1969; con trai kế, Nguyễn Văn Sông, xã Đội trưởng hy sinh tháng 4-1970; con rể là Phạm Minh Cảnh cán bộ Tuyên huấn huyện hy sinh 1966; con gái bị máy địch bắn chết năm 1969. Con trai út Nguyễn Út Minh kế tục cha ông đi theo kháng chiến làm Phó Bí thư, kiêm xã đội trưởng xã Phú Hựu.

Bản thân bà An, tham gia công tác đoàn thể cách mạng từ thời kháng chiến chống Pháp. Thời chống Mỹ, sau khi chuyển vùng 1960 bà làm công tác binh vận của tỉnh Vĩnh Long. Năm 1966 bà được điều động qua phòng hậu cần thuộc tỉnh đội Vĩnh Long, nhiệm vụ chính là chuyên chở vũ khí bằng con đường công khai.

Ngày 17-8-1967, trong trận đánh ác liệt giữa đại đội 203 của tỉnh Vĩnh Long phối hợp cùng đơn vị bảo vệ Huyện ủy Châu Thành với tiểu đoàn ngụy Huỳnh Trung Hiếu, có sự đoàn 9 yểm trợ tại rạch Bà Dầm, ấp Phú Long Bình, xã Phú Hựu, suốt một ngày chiến đấu bộ đội ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 270 tên địch, bên ta hy sinh 3 chiến sĩ, trong đó có bà Hồ Thị An.

Tháng 10-1984 bà được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng Bằng Tổ quốc ghi công, năm 1994 được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng.

NGUYỄN VĂN AN
(Pháp Hải)
(1895-1961)

Ông Nguyễn Văn An sanh năm 1895, quê ở Lai Vung (rạch Thông Đông), tỉnh Sa Đéc (nay thuộc xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp). Ông xuất gia năm 17 tuổi tại chùa Tây Hưng, Sa Đéc, pháp danh Pháp Hải.

Năm ông 21 tuổi (1916), hòa thượng chùa Tây Hưng tịch, ông đến cầu học hòa thượng chùa Long Phước (Vĩnh Long). Năm 28 tuổi, ông trụ trì chùa Phước Sơn ở Trà Cú (Trà Vinh).

Những năm 1933, 1934, ông đảm trách việc giảng dạy cho Liên Đoàn Học Xã do sư Khánh Hòa tổ chức tại chùa Long Hòa (Tiểu Cần), Thiên Phước (Trà Ôn) và Viên Giác (Bến Tre).

Khi Hội Lương Xuyên Phật học thành lập, ông nhận chức chủ trì chùa Long Phước, trụ sở của Hội, đồng thời ông cũng làm giáo sư cho Phật học đường Lương Xuyên. Sáu năm sau ông về trụ trì chùa Hiệp Châu ở Sóc Trăng để hướng dẫn Phật sự cho chi hội Kế Sách thuộc hội Lương Xuyên Phật học. Bốn năm sau (1944) ông trở lại chùa Long Phước.

Sau khi Giáo hội Tăng Già Nam Việt được thành lập tại chùa Ấn Quang, Sài Gòn (1951), ông được mời làm Trụ sở trưởng cho Giáo hội tại Vĩnh Long.

Thiền sư Pháp Hải triệt để ủng hộ công trình của Thiền sư Khánh Hòa trong công cuộc chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ.

Ông mất ngày mùng sáu, tháng tám âm lịch, năm Tân Sửu (1961).

ĐỖ THỊ AN

(1917 -)

Bà Đỗ Thị Ân sinh năm 1917, quê làng Phước Tân Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Long An. Chồng bà, ông Phạm Văn Ban sinh năm 1914, quê làng Vĩnh Công, quận Châu Thành, Long An. Gia đình nghèo, quanh năm đi làm mướn kiếm sống.

Tháng 8 - 1945 bà vào Hội Phụ nữ Cứu quốc xã, làm công tác tuyên truyền, vận động chị em tham gia kháng chiến, ủng hộ bộ đội. Bị địch theo dõi, bà rời quê đến lập nghiệp ở xã Thạnh Lợi, huyện Mỹ An. Nhà bà là nơi cư trú, hội họp của các cơ quan, đơn vị quân sự khu. Chồng đi công tác xa, bà hàng ngày phải bơi xuồng chở chuối ra Mỹ An bán kiếm tiền nuôi con, vừa giúp đỡ bộ đội. Cực khổ mấy, bà cũng vượt qua, luôn động viên con đi theo con đường cách mạng. Sau năm 1954, bà là cơ sở hoạt động bí mật cho chi bộ xã. Lành lợi, hoạt bát, bà luôn qua mắt bọn địch hung ác, làm tròn nhiệm vụ.

Chồng bà ông Phạm Văn Ban tham gia Thanh niên Tiền phong từ năm 1945, sau đó vào Vệ Quốc Đoàn tiểu đoàn 307, Quân khu 8, tham gia nhiều trận đánh lớn, như trận Mộc Hóa, công đồn ông Tồn, đồn La Bang và bị thương trong trận công đồn Chợ Gạo năm 1948. Lúc đó ông là đại đội trưởng. Lành vết thương, ông được rút về đơn vị BCX (quân khu 8). Đến thời chống Mỹ, ông hoạt động bí mật ở xã Thạnh Lợi và sau giải phóng làm công tác Thương binh - xã hội. Ông bị bệnh mất năm 1984. Ông được tặng Huân chương Quân công hạng Ba, Huy chương Chiến sĩ hạng Nhứt và Huy hiệu Thương binh thời chống Pháp.

Được bà giáo dục, động viên các con bà lần lượt đi kháng chiến và có đến 5 người con là liệt sĩ:

Bà Phạm Thị A (Thanh Miên) sinh năm 1936, hoạt động tích cực tại xã, là đảng viên. Trong cuộc đấu tranh ngày 5-3-1961 bà được giao nhiệm vụ trưởng đoàn đấu tranh trực diện tại quận lỵ Mỹ An. Bà dũng cảm đi đầu và bị địch bắn chết tại chỗ. Bà được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhứt.

Ông Phạm Văn Bê (Hoàng) sinh năm 1940. Năm 1962 ông đi bộ đội. Năm 1968 trong một trận chống địch càn quét ở Kiến Văn, ông hy sinh, đang là đại đội trưởng đại đội 1, tiểu đoàn 502, là đảng viên Đảng Nhân Dân Cách mạng Việt Nam. Ông được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, 3 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhứt, Nhì, Ba.

Năm 1968, bà Phạm Thị Y (Thanh Nguyên) sinh năm 1948, vào công tác thư ký đánh máy văn phòng Huyện ủy Mỹ An, là đảng viên Đảng Nhân Dân

Cách mạng Việt Nam. Năm 1969, địch càn vào xã Thanh Mỹ, bà hy sinh. Bà được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.

Ông Phạm Văn Đồng sinh năm 1950, lúc 16 tuổi đã vào du kích xã. Sau lên đơn vị địa phương quân huyện Mỹ An. Năm 1969 trong trận đánh yếu khu Thạnh Lợi, ông hy sinh, đang là tiểu đội trưởng. Ông được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Nổi bước anh bà, ông Phạm Văn Thìn sinh năm 1952 vô du kích xã, lập nhiều công được cất nhắc lên Xã đội chánh và phó Bí thư Xã ủy Thạnh Lợi. Ông hy sinh trong trận đánh đồn Cây Da xã Thạnh Lợi. Ông được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Kết thúc hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, bà Đỗ Thị Ân và ông Phạm Văn Ban được tặng Huân chương Độc lập hạng Nhứt. Bà còn được tặng Huân chương Giải phóng hạng Nhì, Huy chương Vì sự nghiệp Nông Nghiệp và phát triển nông thôn. Ngày 17-12-1994, bà Đỗ Thị Ân được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng.

Bà hiện đang sống trong ngôi nhà tình nghĩa với người con út là ông Phạm Văn Bình sinh năm 1962, ở ấp 5, xã Vĩnh Bửu, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An (tách ra từ xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp giao lại cho Long An).

NHIÊU BÁ (? - ?)

Ông Nhiều Bá, quê ở Sa Đéc, nổi tiếng thâm Nho, giỏi thơ văn, được kính nể trong làng văn thơ Nam Kỳ, đặc biệt vùng Cao Lãnh, Sa Đéc.

Ông là thành viên Hội Tao Đàn Văn thánh miếu Cao Lãnh thành lập năm 1857 tại thôn Mỹ Trà, huyện Kiến Phong, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường (sau này cắt lại, hiện ở phường I, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Ông thường xướng họa, ngâm vịnh thơ ca, bàn luận văn chương, truyền bá đạo Nho, cùng các bậc Nhỏ học như Cử Vị, Tú Điều, Tú Qui, Nhiều Chấn, Nhiều Chương, Nhiều Thuận...

Ông là tác giả truyện thơ *Con Tấm, Con Cám* và vở tuồng *Gia trường*.

Với văn tài lỗi lạc, ông Nhiều Bá để lại cho đời những tác phẩm quý giá. Rất tiếc tác phẩm của ông thất lạc, còn lại không nhiều và ông qua đời trong quên lãng của người đời.

QUẢN BẠCH
(? -1867)
KIM CHUNG
(? - ?)

Đến nay chưa rõ tên họ thật, quê quán và năm sanh của hai ông. Người dân Đồng Tháp, nhứt là vùng Cao Lãnh, biết khi hai ông cùng Chánh lãnh binh Nguyễn Hương, từ Hà Tiên rút quân về lập căn cứ chống Pháp ở Hố Cú (tổng An Tịnh, nay thuộc thị xã Cao Lãnh).

Hai ông là một thuộc cấp của Chánh lãnh binh Nguyễn Hương, thành thủ úy Hà Tiên. Khi thực dân Pháp chiếm thành này, hai ông không đầu hàng mà theo Nguyễn Hương rút vào căn cứ Láng Linh - Bảy Thưa (nay thuộc xã Mỹ Thạnh Tây, Châu Phú, An Giang) cùng với quân cơ Trần Văn Thành chống Pháp. Khi căn cứ này bị triệt hạ, Trần Văn Thành hy sinh, hai ông theo Nguyễn Hương rút về quê quán của Nguyễn Hương để tiếp tục chống Pháp.

Dù là thuộc cấp của Nguyễn Hương, nhưng Quản Bạch và Kim Chung hoạt động rất xông xáo, từ xây dựng căn cứ đến việc chủ động tấn công giặc, nên ông rất nổi tiếng và bọn Pháp rất kiêng dè. Trong dân gian lúc ấy, hai tiếng Hố Cú còn có nghĩa là nơi “cọp” ở, “cọp” tức là Quản Bạch. Từ đó nghĩa quân tấn công Cao Lãnh, Đốc Vàng, Dơi Me...làm giặc Pháp hoang mang một thời.

Sau nhiều lần giặc Pháp tấn công, căn cứ tan vỡ, Quản Bạch bị bắt, Kim Chung chạy thoát. Chúng đem vinh hoa phú quý khuyến dụ, nhưng không lay chuyển được ông. Cuối cùng chúng xử trảm Quản Bạch tại trường án Cần Lồ.

Riêng Kim Chung có dư luận cho rằng, sau thất bại này, ông thất chí bỏ đi tu...

NGUYỄN VĂN BÁNH (1927 – 1972)

Ông Nguyễn Văn Bánh (thường gọi là Già Dền), sinh năm 1927, quê làng Tân Thành, quận Hồng Ngự (nay là xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp), tham gia cách mạng năm 1957. Khi hy sinh là tiểu đội trưởng du kích xã, đảng viên Đảng Nhân dân Cách mạng Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Từ làm giao liên, qua công tác nông hội, đến năm 1964 Nguyễn Văn Bánh gia nhập du kích xã.

Mùa nước năm 1965, lợi dụng địa hình trống trải, địch nhiều lần dùng thuyền bay càn quét. Theo dõi, nắm được mặt mạnh mặt yếu của loại phương tiện này, ngày 11-8-1965, Nguyễn Văn Bánh sử dụng vũ khí tự tạo đánh hư 2 thuyền bay, diệt 4 tên, có 2 tên Mỹ.

Ngày 8-7-1967, địch xua 2 tiểu đoàn đánh phá vùng giải phóng Tân Thành. Tô du kích Nguyễn Văn Bánh chỉ có 3 người. Quân địch đông, có pháo và máy bay yểm trợ, nên 2 du kích bỏ trận địa. Chỉ còn một mình, Nguyễn Văn Bánh vẫn trụ lại đẩy lùi 6 đợt tiến công của địch suốt từ 7 giờ sáng đến 4 giờ chiều. Địch rút lui, Nguyễn Văn Bánh bám theo diệt 1 xuống, làm chết 2, bị thương 1 tên. Trận này Nguyễn Văn Bánh diệt 4 tên, làm bị thương 6 tên, thu 3 súng, 10 ba lô.

Ngày 3-3-1968, 2 trung đội biệt kích nguy bao vây cuộc hội nghị của Chi ủy xã. Chỉ một mình, Nguyễn Văn Bánh bí mật tiếp cận địch, nổ súng và ném lựu đạn. Địch hoảng loạn tháo chạy. Ban chỉ ủy xã thoát khỏi vòng vây của địch, an toàn.

Ngày 1-11-1972, địch càn vào vùng giải phóng bắn chết một đồng chí của ta. Nguyễn Văn Bánh được phân công cùng 2 du kích lấy xác đồng chí đã hy sinh. Lọt vào ổ phục kích của địch Nguyễn Văn Bánh quyết tử chiến đấu, giết 1 tên địch và ông anh dũng hy sinh.

Từ ngày vô du kích đến lúc hy sinh, Nguyễn Văn Bánh cùng đội du kích Tân Thành đánh địch 265 trận, loại khỏi vòng chiến 1.078 tên, trong đó có 5 tên Mỹ, bắt sống 3 tên, làm rã ngũ 280 tên, giết chết 21 tên ngụy, giải tán một ban tề xã, 100 lính phòng vệ dân sự.

Nguyễn Văn Bánh là tấm gương sáng về kiên cường bám trụ, dũng cảm chiến đấu, ý chí tiến công, một người cũng tiến công. Ngày 30-10-1978, liệt sĩ Nguyễn Văn Bánh được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng các lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường trong thị trấn Sa Rày, tên ấp Tân Bánh, xã Tân Phước và tên trường Trung học phổ thông ở Đoàn kinh tế quốc phòng 959 (trước là nông trường Giồng Găng).

HOÀNG PHÚC BẢO

(? - ?)

Ông Hoàng Phúc Bảo, người huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành (vùng Sa Đéc), gốc gác ở huyện Quảng Điền, phủ Thừa Thiên.

Ông từng theo Nguyễn Ánh tị nạn ở Xiêm (Thái Lan), nhận chức Vệ úy Trung đồn uy vũ.

Năm Tân Dậu 1801, ông là một trong những tướng của chúa Nguyễn cầm quân đánh Tây Sơn ở đồn Qui Nhơn, tử trận ở Thạch Cốc, được truy tặng chức Chương cơ.

Gia Long năm đầu (1802), ông được thờ ở đền Bảo Trung và đền Hiển Trung, định công theo sang Vọng Các liệt vào bậc thứ 3, cấp cho phu coi mộ. Năm Gia Long thứ 3 (1804), được đưa vào thờ ở 3 miếu: Chiêu Trung, Hiển Trung, Bao Trung. Năm thứ 9 (1810), được đưa vào thờ ở miếu Trung Hưng công thần. Ông có 2 con Lượng và Tuyết, Lượng được tập ấm ân kỵ úy ⁽¹⁾, Lượng chết, Tuyết được nối theo.

(Theo Đại Nam liệt truyện . Tập 2, NXB. Thuận Hóa - Huế, 1997, trang 269)

⁽¹⁾ Được hưởng những ân huệ do triều đình ban cho cha.

NGUYỄN VINH BẢO (1918 -)

Ông Nguyễn Vĩnh Bảo sinh năm 1918, quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), trong một gia đình có truyền thống âm nhạc.

Năm lên 6 tuổi, ông đờn được một số bài bản ngắn bằng đờn kìm và cò. Năm 10 tuổi ông học đờn với nhạc sĩ Hai Lòng (Vĩnh Long) sử dụng đờn kìm, tranh, cò, gáo. Lên 18 tuổi, ông học thêm đờn tranh với các nhạc sĩ Sáu Tỷ, Năm Nghĩa (Trà Ôn). Năm 20 tuổi, ông cùng đệm đờn gáo cho cô Hai Thiệt ca 20 câu vọng cổ thu vào đĩa hát Béka.

Sau khi học trường Trung học Lycée Sisowath (Nam Vang) ông đi làm ở hàng lúa gạo Đông Dương. Được 2 năm, ông đi dạy tiếng Pháp, tiếng Anh các trường tư thục ở Sài Gòn.

Năm 1955, trường Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn thành lập, ông được mời dạy đờn tranh và được cử làm Trưởng ban cổ nhạc miền Nam. Ngón đờn "phong phú, bay bướm, sâu sắc" của ông được giới nghệ sĩ phong tặng *Đệ nhất danh cầm*. Trong thời gian giảng dạy, nhạc sĩ Vĩnh Bảo được mời tham dự Hội nghị Âm nhạc châu Á năm 1963 tại Tân Gia Ba; đài truyền hình NHK Nhật Bản mời sang Đông Kinh nói chuyện về âm nhạc truyền thống Việt Nam (năm 1969) và trường Đại học SIU - Hoa Kỳ mời sang giảng dạy âm nhạc Việt Nam với tư cách Giáo sư biệt thỉnh (1970, 1972).

Năm 1972, ông được Trung tâm Nghiên cứu Âm nhạc Đông Phương tại Pháp mời sang cùng Tiến sĩ Vật lý Emile Leipp nhà chuyên môn đóng đờn Violon và Guitare nghiên cứu nghệ thuật đóng đờn. Ở đây, ông được Viện Nghệ thuật và Khảo cổ mời nói chuyện và biểu diễn nhạc cụ dân tộc Việt Nam. Tiếng đờn của nhạc sĩ Vĩnh Bảo và giáo sư Trần Văn Khê được thu vào đĩa hát *Nhạc tài tử Nam bộ* cho hãng Ocara và hãng Phillips, Unesco... để phổ biến và làm tư liệu. Năm 1970, ông thực hiện 2 băng nhạc Nam Bình 1 và 2.

Từ năm 1955, ông nghiên cứu cải tiến hình dạng, kích thước cây đờn tranh từ 16 dây lên 17 dây rồi 19, 21 dây thuận tiện cho việc thể hiện các "hơi, điệu" mà không cần sửa dây, lên nhận. Ông còn là nghệ nhân đóng đờn tranh, bầu, kìm, gáo.... nổi tiếng, được người trong nghề đặt mua, quý trọng vì chất lượng cao.

Những năm 1960 - 1970, với vốn văn hóa sâu rộng và biết nhiều ngoại ngữ Anh, Hoa, Nhật, Pháp, ông từng đi thuyết trình giới thiệu và biểu diễn âm

nhạc dân tộc Việt Nam ở Trung tâm Văn hóa Pháp, Đức, Hội Việt - Mỹ ở Sài Gòn và nước ngoài. Tháng 2-1974, ông được mời tham dự Đại hội Âm nhạc tại Hoa Kỳ có 51 nước dự, nhưng chánh quyền Sài Gòn không cho ông đi, với lý do thời gian ông giảng dạy âm nhạc tại Hoa Kỳ, ông đã có những lời phát biểu bất lợi cho "chánh sách quân dịch" Mỹ. Báo chí Mỹ cho rằng nhạc sĩ Vĩnh Bảo đã đánh giặc Mỹ trên đất Mỹ.

Từ sau ngày miền Nam giải phóng, dù tuổi cao, ông vẫn say mê dạy đàn tại nhà, dạy trực tiếp hoặc hàm thụ qua băng, đĩa cho rất nhiều nhạc sinh nước ngoài, như Úc, Pháp, Thụy Sĩ, Đức, Canada, Việt kiều... Năm 1998, 1999, trường Collette thuộc Tổng lãnh sự Pháp tại thành phố Hồ Chí Minh mời nhạc sĩ Vĩnh Bảo dạy âm nhạc dân tộc Việt Nam cho con em người Pháp đang sinh sống, làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1998, hai anh em Eric (nhạc sĩ Guitare) và Laurent (nhà quay phim truyền hình) từ Pháp sang học đàn tranh với nhạc sĩ Vĩnh Bảo. Ông còn dành thời gian viết báo và soạn các quyển sách *Tự học đàn tranh* dày hơn 800 trang bằng hai thứ tiếng Pháp, anh phổ biến cho người nước ngoài, *Lịch sử âm nhạc*, *Nghệ thuật đóng đàn dân tộc*.....

Tuổi cao nhưng nhạc sĩ Vĩnh Bảo vẫn tâm huyết với việc nghiên cứu, truyền bá âm nhạc dân tộc Việt Nam, nhứt là với thế hệ trẻ.



NGUYỄN THỊ BẢY (1917 -)

Bà Nguyễn Thị Bảy sinh năm 1917, người xã Tân Hưng (nay là phường IV, thị xã Sa Đéc). Năm 17 tuổi bà lấy chồng và về ngụ tại ấp Phú Long, xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc cho đến nay.

Gia đình cha mẹ đẻ và cha mẹ chồng đều theo nghề làm ruộng, nhưng ruộng ít, năm ba-công, làm không đủ sống, nên từ nhỏ đến khi có chồng, có con bà luôn phải đi buôn bán thêm. Vốn ít, chỉ bán được gạo, đổi mía, bán bánh bò, bán bắp, hoặc đi xé lá..., quần áo không đủ bận, phần vì đông con (sinh cả thảy 13 lần, nuôi được 9 người), nên cuộc sống gia đình rất vất vả.

Song vợ chồng bươn chải, cần cù lao động, nên cũng nuôi được bảy con trưởng thành. Điều làm nhiều người ở ấp Phú Long kính nể là tuy nhà nghèo, cực khổ, nhưng sống tình nghĩa với bà con cô bác xóm làng, sẵn sàng làm những công việc chung ở trong xóm. Sau năm 1945, bà tích cực tham gia hoạt động Hội phụ nữ, được cử làm tổ trưởng, đi tuyên truyền vận động chị em phụ nữ và các gia đình góp tiền, gạo nuôi cán bộ, bộ đội.

Hết 9 năm chống Pháp, qua thời chống Mỹ, con cái một số đã đến tuổi trưởng thành, bà lo cưới vợ cho con trai thứ ba Nguyễn Văn Thành. Nhưng thời điểm chuyển vùng, Đồng Khởi đã đến, bà động viên Thành tham gia cách mạng. Cuối năm 1960, Thành bị bắt giam gần 2 năm, ra tù, bà và con dâu đấu tranh không để địch bắt lính và động viên Thành thoát ly tiếp tục công tác cách mạng. Bà còn cho 2 con trai thứ tư là Nguyễn Văn Bộ, thứ bảy là Nguyễn Văn Đăng đi bộ đội tỉnh Vĩnh Long. Địch phát hiện bắt đánh đập và hăm dọa ông bà hai lần về tội để con đi theo Việt Cộng.

Tháng 10-1965 bà đột ngột nhận được tin con trai thứ tư Nguyễn Văn Bộ hy sinh. Tháng 9-1971 con trai thứ ba Nguyễn Văn Thành hy sinh. Tháng 7-1972 con trai thứ bảy Nguyễn Văn Đăng cũng hy sinh. Đau thương bà khóc thầm, không để địch biết.

Căm thù giặc, bà cùng con dâu (Trần Thị Bé) tiếp tục liên hệ giúp đỡ các cán bộ địa phương về hoạt động, nhận làm ám tín hiệu, viết truyền đơn, mua thuốc tây, mua vải may cờ....

Sau ngày giải phóng 30-4-1975, tuy gia cảnh khó khăn nhưng bà Nguyễn Thị Bảy vẫn tích cực tham gia công tác phụ nữ ở xã ấp.

Năm 1991 bà được tỉnh đưa đi thăm thủ đô Hà Nội và vào Lăng viếng Bác Hồ. Bà được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng năm 1994.

NGUYỄN VĂN BẢY

(1936 -)

Nguyễn Văn Bảy sinh năm 1936, quê làng Hòa Thành, quận Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (nay là Đồng Tháp). Khi được tuyên dương Anh hùng là thượng úy, đại đội phó đại đội 1 không quân, thuộc trung đoàn 923, Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân, đảng viên Đảng Lao động Việt Nam.

Tập kết ra Bắc, năm 1960 từ bộ binh Nguyễn Văn Bảy được chuyển sang không quân, đi Liên Xô học lái máy bay phản lực. Tháng 4-1965 tốt nghiệp về nước, Nguyễn Văn Bảy lao vào cuộc chiến chống giặc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc nước ta.

Ngày 7-10-1965, đang chiến đấu, máy bay Nguyễn Văn Bảy bị trúng tên lửa địch, thùng 84 chỗ, được lệnh nhảy dù nhưng Nguyễn Văn Bảy vẫn bình tĩnh điều khiển máy bay giữ thăng bằng, trở về sân bay hạ cánh an toàn.

Ngày 26-4-1966, trên bầu trời Võ Nhai (Bắc Thái) Nguyễn Văn Bảy phát hiện hai máy bay địch đang bám đuôi hai máy bay trong biên đội ta. Nguyễn Văn Bảy cùng một đồng chí bất ngờ, dũng cảm lao thẳng vào đội hình máy bay địch. Chúng hốt hoảng tháo chạy. Nguyễn Văn Bảy bình tĩnh bám riết theo một thằng giặc, tới cự ly gần mới nổ súng, làm nó bốc cháy, rơi tại chỗ. Trận này, biên đội Nguyễn Văn Bảy bắn rơi hai máy bay Mỹ.

Ngày 29-6-1966, trên vùng trời Việt Trì (Vĩnh Phúc) máy bay địch đông gấp bội bám theo ta. Nguyễn Văn Bảy dũng cảm quay lại đối đầu máy bay địch, nổ súng. Hai máy bay Mỹ bị hạ. Riêng Nguyễn Văn Bảy bắn rơi một chiếc.

Ngày 5-9-1966, trên vùng trời Nam Hà, phát hiện hai máy bay F8 Mỹ sau khi gây tội ác, đang lao vào mây mù lẫn trốn, Nguyễn Văn Bảy cùng một đồng đội dũng cảm, nhanh chóng cắt đường bay đón đầu, diệt gọn cả hai tên giặc trời này.

Ngày 16-9-1966, 16 máy bay địch gồm F.4 và F.105 xâm phạm vùng trời Chí Linh (Hải Dương). Địch chia nhiều tốp, nhiều tầng, nhiều hướng bao vây 4 máy bay ta. Nguyễn Văn Bảy cùng biên đội chủ động, linh hoạt lúc đối đầu, lúc bám đuôi địch, nổ súng kịp thời bắn rơi 3 máy bay F.4. Riêng Nguyễn Văn Bảy bắn rơi 1 chiếc, trở về hạ cánh an toàn.

Tính đến ngày được tuyên dương Anh hùng, Nguyễn Văn Bảy đánh địch 7 trận, cả biên đội bắn rơi 12 máy bay địch. Riêng Nguyễn Văn Bảy bắn rơi tại chỗ 4 chiếc, gồm: 2 chiếc F.4, một chiếc F.105 và một chiếc F.8.

Nguyễn Văn Bảy đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 2 Huân chương Chiến công hạng Ba. Ngày 1-1-1967, Nguyễn Văn Bảy được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng các lực lượng vũ trang nhân dân. Nguyễn Văn Bảy đã nghỉ hưu, ngụ ở xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc.